TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-ST
Ngày: 10 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Ngọc Trương

2. Ông Thạch Đa Ra

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Văn Giữ, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ngọc Đính, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Phạm Trúc G, sinh ngày 05/12/1971, địa chỉ: Khóm A, phường E, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*:

1/- Ông Trần Hữu D, sinh năm 1973, địa chỉ: Khóm F, phường E, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt không lý do)

2/- Bà Phạm Thị Thùy K, sinh năm 1972, địa chỉ: Số B, khóm H, phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G trình bày:

Vào ngày 03/01/2022, Trần Hữu D có đến gặp tôi để hỏi vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, có biên nhận do D và bà Phạm Thị Thùy K ký tên. Đến ngày 12/01/2022, tôi có cho Trần Hữu D thêm số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng có biên nhận do D và bà K ký tên, thời hạn trả là 06 (sáu) tháng trả tiền. Số tiền này mặc dù do D và bà K cùng ký tên nhưng thực tế tôi chỉ cho một mình ông D vay để làm ăn vì D là cháu kêu tôi bằng cô. Đến hạn trả tiền theo thỏa thuận nhưng thấy D không trả nợ nên tôi đã tìm đến nhà tìm D nhiều lần để yêu cầu D trả tiền cho tôi nhưng D cứ trốn tránh không muốn trả nợ. Nay tôi yêu cầu ông Trần Hữu D trả cho tôi số tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/9/2022 với lãi suất 0,75%/tháng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi ông D trả hết số tiền còn nợ. Đối với bà Phạm Thị Thùy K thì tôi xin rút lại không yêu cầu khởi kiện đối với bà K, tôi không yêu cầu bà K phải cùng D chịu trách nhiệm trả nợ cho tôi vì số tiền nợ này là tiền nợ của riêng D.

- Bị đơn ông Trần Hữu D và bà Phạm Thị Thùy K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện bà G xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Thị Thùy K, bà G không yêu cầu bà K phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông D vì số tiền nợ này là tiền nợ riêng của ông D.

Bị đơn ông Trần Hữu D và bà Phạm Thị Thùy K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ

sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G, buộc bị đơn ông Trần Hữu D phải trả cho bà G số tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi phát sinh kể ngày 15/9/2022 đến ngày xét xử 10/8/2023 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,75%/tháng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Mỹ K. Về chi phí giám định là 4.432.000 (bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng buộc ông D trả lại cho bà G.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Hữu D phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án:

"Tranh chấp hợp đồng vay", căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Hữu D và bà Phạm Thị Mỹ K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên

tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện:

Tại kết luận giám định số: 300/KL-KTHS, ngày 10/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh đã kết luận:

- Chữ ký mang tên Trần Hữu D trên biên nhận ngày 12/01/2022 và ngày 03/01/2022 (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký của Trần Hữu D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký ra.

[4] Về nội dung vụ án:

4.1. Đối với việc nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G yêu cầu bị đơn ông Trần Hữu D chịu trách nhiệm đối với tiền nợ của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn ông Trần Hữu D vay của nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G với số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng là có thật, được thể hiện tại biên nhận ngày 03/01/2022 với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và biên nhận ngày 12/01/2022 với số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng do nguyên đơn cung cấp, đã có kết luận giám định đúng là chữ ký của ông Trần Hữu D.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Trần Hữu D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến tham gia phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó đã thể hiện ông D đang trốn tránh nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho bà G và cũng thể hiện ông D đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G yêu cầu bị đơn ông Trần Hữu D phải trả cho nguyên đơn bà G số tiền nợ gốc là 300.000.0000 (ba trăm triệu) đồng.

[5] Về lãi suất:

5.1. Về mức lãi và thời điểm tính lãi:

Trước đây bà G yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 15/9/2022 nhưng bà G đã thay đổi yêu cầu đối với mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo biên nhận đã ký với bà G.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất là trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Về thời điểm tính lãi, theo biên nhận ngày 03/01/2022 thì thời hạn vay là 06 (sáu) tháng nên thời điểm đáo hạn là 02/7/2022 và biên nhận ngày 12/01/2022 thì thời hạn vay là 06

(sáu) tháng nên thời điểm đáo hạn là 11/7/2022 nhưng bà G yêu cầu tính lãi từ ngày 15/9/2022 là đã thể hiện bà G có D chí tạo điều kiện cho bị đơn có thêm thời gian trả nợ, việc xác định thời điểm bắt đầu tính lãi cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận như đề nghị của vị kiểm sát viên.

5.2. Về tiền lãi: Thời gian yêu cầu tính lãi kể từ ngày 15/9/2022, tính đến ngày xét xử sở thẩm 10/8/2023 là 10 (mười) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày. Tiền lãi cụ thể được tính như sau:

300.00.000đ x 0,75%/tháng x 10 tháng 26 ngày = 24.450.000đ

[6] Đối với việc yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Thùy K cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn ông Trần Hữu D, bà G rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà K.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là sự tự nguyện của bà G, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Phạm Thị Thùy K phải chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông Trần Hữu D.

[7] Về chi phí tố tụng:

Số tiền chi phí cho việc giám định chữ ký của bị đơn nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án là 4.432.000 (bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng. Do bị đơn trốn tránh nghĩa vụ tham gia tố tụng theo triệu tập Tòa án nên cần phải giám định chữ ký nhằm xác định có đúng bị đơn là người ký nhận nợ hay không. Qua kết quả giám định đã xác định đúng bị đơn ông Trần Hữu D là người ký tên trong biên nhận nên ông D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng để trả lại toàn bộ số tiền này cho bà G.

Nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G không phải chịu chi phí tố tụng nên được nhận lại 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng, trong đó nhận 5.568.000 (năm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn) đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và 4.432.000 (bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh sau khi ông D nộp đủ số tiền trên.

[8] Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Hữu D phải nộp án phí sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 207, điểm c khoản 1 Điều 217 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G.

Buộc bị đơn ông Trần Hữu D phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G tổng số tiền 324.450.000 (ba trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 10/8/2023 là 24.450.000 (hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn ông Trần Hữu D phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G số tiền 4.432.000 (bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G được nhận lại 5.568.000 (năm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn) đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Thùy K cùng chịu trách nhiệm với bị đơn ông Trần Hữu D trả nợ cho bà G.

Các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Trần Hữu D phải nộp 16.222.500 (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Trúc G không phải nộp án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 7.950.000 (bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013466, ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi